

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Đạt Phương
- Mã chứng khoán : DPG
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 7830856
- Fax : 0243 7830859
- Người thực hiện công bố thông tin : Lê Thị Hà
- Chức vụ : Trưởng ban quan hệ cổ đông

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đạt Phương (DPG) công bố thông tin:

- + Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2020.
- + Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020.
- + Giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Đạt Phương [www.datphuong.com.vn](http://www.datphuong.com.vn) vào ngày 17/7/2020 tại mục “Quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2020.
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2020.
- CV số 241/ĐP-TCKT ngày 17/7/2020 V/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2020.

**Đại diện tổ chức**  
Người thực hiện công bố thông tin  
Trưởng ban quan hệ cổ đông



**Lê Thị Hà**

**ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856 Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

**Quý 2 Năm 2020**

*Hà Nội, tháng 7 năm 2020*

## **MỤC LỤC**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 Năm 2020

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.438.980.176.548</b>	<b>1.536.313.305.354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>174.400.317.392</b>	<b>436.251.657.974</b>
1. Tiền	111		33.285.353.128	173.993.952.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		141.114.964.264	262.257.705.856
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.205.442.500</b>	<b>10.205.442.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>914.651.566.992</b>	<b>823.145.554.468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	703.320.581.999	748.144.308.117
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81.659.052.275	35.044.861.206
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	129.671.932.718	39.956.385.145
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>323.873.215.633</b>	<b>250.366.619.087</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	323.873.215.633	250.366.619.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.849.634.031</b>	<b>16.344.031.325</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.925.077.544	4.755.764.554
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.924.556.487	11.575.571.553
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	12.695.218
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>707.250.688.095</b>	<b>714.732.330.793</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>41.329.586.271</b>	<b>39.525.927.290</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	41.329.586.271	39.525.927.290
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.932.459.403</b>	<b>71.468.120.417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	54.525.967.536	70.881.304.538
<i>Nguyên giá</i>	222		316.813.000.247	316.410.351.148
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(262.287.032.711)	(245.529.046.610)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	406.491.867	586.815.879
<i>Nguyên giá</i>	228		1.138.944.090	1.138.944.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(732.452.223)	(552.128.211)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>580.000.000</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		580.000.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>582.082.162.626</b>	<b>573.465.126.067</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	625.858.000.000	585.358.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	759.000.000	759.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(50.214.837.374)	(18.331.873.933)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	5.680.000.000	5.680.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.326.479.795</b>	<b>30.273.157.019</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	28.326.479.795	30.273.157.019
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.146.230.864.643</b>	<b>2.251.045.636.147</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối kỳ (30/06/2020)	(01/01/2020)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.360.033.456.832</b>	<b>1.386.045.612.217</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.208.694.398.181</b>	<b>1.205.375.950.170</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	300.108.559.964	381.232.220.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	304.223.012.357	294.027.136.847
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.133.165.755	8.900.793.389
4. Phải trả người lao động	314		6.287.160.841	11.491.415.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.173.725.491	3.847.735.531
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.907.509.456	5.811.585.551
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	533.254.211.550	463.921.931.517
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17a	11.612.546.305	11.612.546.305
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	27.994.506.462	24.530.584.507
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>151.339.058.651</b>	<b>180.669.662.047</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	150.654.968.910	179.985.572.306
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17b	684.089.741	684.089.741
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

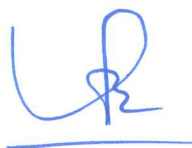
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>786.197.407.811</b>	<b>865.000.023.930</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>786.197.407.811</b>	<b>865.000.023.930</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		449.998.100.000	449.998.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		449.998.100.000	449.998.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.341.290.000	49.341.290.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(36.786.835.025)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		282.292.054.471	324.307.835.565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		276.273.263.610	324.307.835.565
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.018.790.861	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.146.230.864.643</b>	<b>2.251.045.636.147</b>

Người lập biểu



Đặng Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính: VND

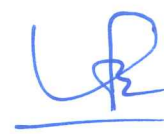
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	375.939.268.505	306.257.598.779	533.344.371.397	429.567.884.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		375.939.268.505	306.257.598.779	533.344.371.397	429.567.884.004
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	322.996.491.829	261.618.125.046	457.068.361.903	361.276.424.149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.942.776.676	44.639.473.733	76.276.009.494	68.291.459.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.846.099.142	1.302.751.454	7.836.836.709	4.057.419.706
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.779.165.548	11.009.872.571	53.585.161.396	21.046.687.979
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.658.969.039	10.722.184.494	21.211.785.557	20.457.743.466
8. Chi phí bán hàng	25				-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.543.109.430	12.717.400.840	22.790.130.644	23.419.818.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.466.600.840	22.214.951.776	7.737.554.163	27.882.373.265
11. Thu nhập khác	31	VI.6	19.506	1.167.333.417	19.506	3.194.112.142
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.431.356	6.277.429	5.432.222	61.981.907
13. Lợi nhuận khác	40		(5.411.850)	1.161.055.988	(5.412.716)	3.132.130.235
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.461.188.990	23.376.007.764	7.732.141.447	31.014.503.500
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	764.242.168	4.760.276.984	1.713.350.586	6.305.909.868
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.696.946.822</u>	<u>18.615.730.780</u>	<u>6.018.790.861</u>	<u>24.708.593.632</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-

Người lập biểu



Đặng Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.732.141.447	31.014.503.500
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	16.938.310.113	19.318.723.050
- Các khoản dự phòng	03		31.882.963.441	(3.025.784.741)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.791.514.242)	(4.051.926.891)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.211.785.557	20.457.743.466
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.973.686.316	63.713.258.384
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.731.288.462)	147.482.529.977
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.506.596.546)	(140.471.629.362)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(64.669.877.894)	(133.637.197.503)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.777.364.234	(6.982.076.215)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.570.317.008)	(21.658.243.466)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6.150.000.000)	(21.795.815.965)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.070.840.000)	(1.576.468.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(186.947.869.360)</b>	<b>(114.925.642.150)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(982.649.099)	(1.624.456.491)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	22.483.541.904
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	630.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(40.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.864.146.265	1.745.954.908
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34.618.502.834)</b>	<b>25.035.040.321</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(36.786.835.025)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	455.406.629.819	321.264.270.484
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(415.404.953.182)	(449.649.760.797)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(43.499.810.000)	(44.999.943.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(40.284.968.388)</b>	<b>(173.385.433.313)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(261.851.340.582)</b>	<b>(263.276.035.142)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>436.251.657.974</b>	<b>436.040.099.291</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>174.400.317.392</b>	<b>172.764.064.149</b>

Người lập biểu

Đặng Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình giao thông	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Lô N1.1-14, KĐT An Phú Sinh, đường Đinh Tiên Hoàng, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	67,5%	67,5%	67,5%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ, phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	80%	80%	80%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ nay.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có 350 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 354 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ} = \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \times \text{Đơn giá trúng thầu}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 4

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **17. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Tiền mặt	79.339.747	320.641.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.206.013.381	173.673.310.982
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	141.114.964.264	262.257.705.856
<b>Cộng</b>	<b>174.400.317.392</b>	<b>436.251.657.974</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (11.607 cổ phiếu)	205.442.500	439.905.300	205.442.500	535.663.050

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.680.000.000</b>	<b>5.680.000.000</b>	<b>5.680.000.000</b>	<b>5.680.000.000</b>
Trái phiếu BIDV(*)	3.680.000.000	3.680.000.000	3.680.000.000	3.680.000.000
Trái phiếu Vietinbank(**)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.680.000.000</b>	<b>15.680.000.000</b>	<b>15.680.000.000</b>	<b>15.680.000.000</b>

(\*) Là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gồm:

- 168 trái phiếu phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 7 năm. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +0,8% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

- 200 trái phiếu phát hành ngày 27 tháng 08 năm 2019, Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +1,2% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

(\*\*) Là 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 12 tháng 08 năm 2019 mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 7 năm. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất +1,2% và được thanh toán 01 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>625.858.000.000</b>	<b>(50.214.837.374)</b>	<b>585.358.000.000</b>	<b>(18.331.873.933)</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung <sup>(i)</sup>	116.508.000.000		116.508.000.000	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn <sup>(ii)</sup>	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi <sup>(iii)</sup>	352.350.000.000	(50.214.837.374)	311.850.000.000	(18.331.873.933)
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An <sup>(iv)</sup>	152.000.000.000		152.000.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>759.000.000</b>		<b>759.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai <sup>(v)</sup>	759.000.000		759.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>626.617.000.000</b>	<b>(50.214.837.374)</b>	<b>586.117.000.000</b>	<b>(18.331.873.933)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Bung 116.508.000.000 VND, tương đương 61,32% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 ngày 24 tháng 3 năm 2010, thay đổi lần 7 ngày 28 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi là 462.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 311.850.000.000 đồng (tương đương 31.185.000 cổ phần) chiếm 67,5% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ hai ngày 21 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An là 190.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 152.000.000.000 đồng (tương đương 15.200.000 cổ phần) chiếm 80% vốn điều lệ.
- (v) Tại ngày 30/06/2020, Công ty hiện còn nắm giữ 75.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai.  
*Giá trị hợp lý*  
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An đã hoạt động và có doanh thu từ việc bàn giao các sản phẩm của dự án.

Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn thu hẹp quy mô hoạt động.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.331.873.933	-
Trích lập dự phòng bổ sung	31.882.963.441	18.331.873.933
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.214.837.374</b>	<b>18.331.873.933</b>

### *Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
--	-----------------------	-------------------------------------

#### *Công ty Cổ phần Sông Bung*

#### *Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn*

#### *Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi*

Doanh thu thi công cho Công ty con	17.517.310.909	33.314.412.159
Góp vốn vào Công ty con	40.500.000.000	35.000.000.000
Thuê xe ô tô của Công ty con	36.000.000	90.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 2 năm 2020	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<i>Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An</i>		
Doanh thu cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	123.000.000	246.000.000
Doanh thu XL nhà ở khu Vống Nhi	88.475.321.643	123.870.776.188
Thuê nhà làm văn phòng Ban QLDA Bình Dương từ công ty con	24.000.000	48.000.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>371.266.413.782</i>	<i>342.246.639.582</i>
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	98.253.599.336	110.871.517.636
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	289.350.775.754	231.375.121.946
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>279.573.629.767</i>	<i>405.897.668.535</i>
Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (*)	31.238.262.000	31.238.262.000
Ban QLDA đầu tư XD các CT giao thông Hải Phòng	32.742.297.012	57.497.758.920
Các khách hàng khác	251.735.647.897	317.161.647.615
<b>Cộng</b>	<b>703.320.581.999</b>	<b>748.144.308.117</b>

(\*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trĩ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Vống Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiên, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Núi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha. Năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Vống Nhi. Trong năm 2019, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Núi Rang.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>81.659.052.275</i>	<i>35.044.861.206</i>
Công ty TNHH xây dựng Phú Vinh	4.702.706.000	9.352.610.000
Công ty TNHH Thanh Tiến	21.592.500.000	
Công ty CP tập đoàn Thành Huy	17.567.000.000	
Các nhà cung cấp khác	37.796.846.275	25.692.251.206
<b>Cộng</b>	<b>81.659.052.275</b>	<b>35.044.861.206</b>

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

#### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

#### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn:

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>41.329.586.271</i>	<i>39.525.927.290</i>
Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam(*)	41.329.586.271	39.525.927.290
<b>Cộng</b>	<b>41.329.586.271</b>	<b>39.525.927.290</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Khoản cho vay theo hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2018 với lãi suất cố định 9%/năm cho toàn bộ thời gian vay, trả lãi hàng quý, trường hợp không trả lãi theo đúng lịch thì tiền lãi sẽ được gộp vào tiền gốc và được tính theo lãi suất quy định trên. Thời hạn vay tối đa là 08 năm kể từ ngày cho vay. Tài sản đảm bảo là 3.800.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Phương (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam).

### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	130.475.445.766		39.956.385.145	
Tạm ứng	96.259.236.492		28.450.815.566	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm			599.937.444	
Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng	2.095.540.280		8.234.357.456	
Chuyển tiền mua cổ phiếu quỹ				
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31.317.155.946		2.671.274.679	
<b>Cộng</b>	<b>129.671.932.718</b>		<b>39.956.385.145</b>	

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/01/2020)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu			30.062.500	
Công cụ, dụng cụ	372.490.000		269.740.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	323.500.725.633		250.066.816.587	
<b>Cộng</b>	<b>323.873.215.633</b>		<b>250.366.619.087</b>	

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Chi phí công cụ dụng cụ	1.458.349.091	4.127.688.298
Chi phí bảo hiểm	101.310.635	285.469.996
Chi phí thuê nhà	18.598.484	273.216.710
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	346.819.334	69.389.550
<b>Cộng</b>	<b>1.925.077.544</b>	<b>4.755.764.554</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Chi phí công cụ dụng cụ	24.023.389.322	25.639.860.427
Chi phí bảo hiểm	0	0
Chi phí sửa chữa	2.205.172.565	1.976.702.983
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.097.917.908	2.656.593.609
<b>Cộng</b>	<b>28.326.479.795</b>	<b>30.273.157.019</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm (01/01/2020)	478.825.050	257.388.327.248	50.864.920.575	568.559.396	7.109.718.879	316.410.351.148
Mua trong năm		68.454.545	17.680.000	88.605.455		402.649.099
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>257.684.690.892</b>	<b>50.882.600.575</b>	<b>657.164.851</b>	<b>7.109.718.879</b>	<b>316.813.000.247</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	92.485.454.641	14.448.019.474	209.599.669	4.925.363.969	112.547.262.803
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm (01/01/2020)	478.825.050	199.226.144.150	39.341.573.284	353.084.956	6.129.419.170	245.529.046.610
Khấu hao trong năm		13.141.509.412	3.239.051.162	52.689.610	324.735.917	16.757.986.101
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>212.367.653.562</b>	<b>42.580.624.446</b>	<b>405.774.566</b>	<b>6.454.155.087</b>	<b>262.287.032.711</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm (01/01/2020)		58.162.183.098	11.523.347.291	215.474.440	980.299.709	70.881.304.538
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>		<b>45.317.037.330</b>	<b>8.301.976.129</b>	<b>251.390.285</b>	<b>655.563.792</b>	<b>54.525.967.536</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 35.421.106.811 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	1.138.944.090	1.138.944.090
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
<b>Số cuối kỳ</b>	<u><b>1.138.944.090</b></u>	<u><b>1.138.944.090</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.000.000	57.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	552.128.211	552.128.211
Tăng trong kỳ	180.324.012	180.324.012
Giảm trong kỳ		
<b>Số cuối kỳ</b>	<u><b>732.452.223</b></u>	<u><b>732.452.223</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	<u>586.815.879</u>	<u>586.815.879</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u><b>406.491.867</b></u>	<u><b>406.491.867</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời không sử dụng		
Đang chờ thanh lý		

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ (30/06/2020)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2020)</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>47.184.454.803</b>	<b>63.961.482.573</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung	17.844.938.486	25.554.938.486
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	29.339.516.317	38.307.544.087
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi		99.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>190.085.054.106</b>	<b>317.270.738.271</b>
Công ty CP xây dựng và kỹ thuật Toàn Thịnh	19.936.302.000	28.736.302.000
Các nhà cung cấp khác	<u>232.987.803.161</u>	<u>288.534.436.271</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>300.108.559.964</b></u>	<u><b>381.232.220.844</b></u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>304.223.012.357</b>	<b>294.027.136.847</b>
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	129.516.222.000	113.091.744.000
Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	31.718.958.073	51.912.739.246
Ban quản lý dự án 7	86.526.965.000	
Các khách hàng khác	56.460.867.284	129.022.653.601
<b>Cộng</b>	<b>304.223.012.357</b>	<b>294.027.136.847</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			8.369.457.668	(8.369.457.668)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.294.872.792		1.713.350.586	(6.150.000.000)	3.858.223.378	
Thuế thu nhập cá nhân	173.909.847		3.795.334.485	(2.766.646.487)	1.202.597.845	
Thuế tài nguyên	432.010.750		316.919.250	(683.009.750)	65.920.250	
Thuế môn bài			4.000.000	(4.000.000)		
Các loại thuế khác			203.880.333	(203.880.333)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.695.218	126.445.529	(107.326.029)	6.424.282	
<b>Cộng</b>	<b>8.900.793.389</b>	<b>12.695.218</b>	<b>14.529.387.851</b>	<b>(18.284.320.267)</b>	<b>5.133.165.755</b>	

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.461.188.990	7.732.141.447
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	360.021.853	834.611.484
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>300.000.000</i>	<i>720.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.</i>	<i>54.589.631</i>	<i>109.179.262</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>5.432.222</i>	<i>5.432.222</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	0
Thu nhập chịu thuế	3.821.210.843	8.566.752.931
Thu nhập được miễn thuế	0	0
Thu nhập tính thuế	3.821.210.843	8.566.752.931
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i></b>	<b><i>764.242.168</i></b>	<b><i>1.713.350.586</i></b>
<b><i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i></b>	<b><i>0</i></b>	<b><i>0</i></b>
<b>Tổng Thuế thu nhập DN còn phải nộp</b>	<b><u>764.242.168</u></b>	<b><u>1.713.350.586</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát, đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ (30/06/2020)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2020)</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>		
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>6.173.725.491</i></b>	<b><i>3.847.735.531</i></b>
Trích trước chi phí thầu phụ	4.881.527.775	2.197.006.364
Dự trả lãi trái phiếu	1.292.197.716	1.650.729.167
<b>Cộng</b>	<b><u>6.173.725.491</u></b>	<b><u>3.847.735.531</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>13.907.509.456</b>	<b>5.811.585.551</b>
Kinh phí công đoàn	1.348.430.363	1.319.735.960
BHXH; BHYT; BHTN	584.743.175	562.602.102
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.659.484.174	1.659.484.174
Phải trả các cá nhân về chi phí công trình	9.675.910.214	1.488.409.316
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	638.941.530	781.353.999
<b>Cộng</b>	<b>13.907.509.456</b>	<b>5.811.585.551</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>530.031.229.050</b>	<b>454.939.786.517</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	346.395.324.031	255.837.766.405
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(ii)</sup>	183.635.905.019	199.102.020.112
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	<b>3.222.982.500</b>	<b>8.982.145.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>533.254.211.550</b>	<b>463.921.931.517</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân là bên liên quan với Công ty có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (Xem thuyết minh VIII.1).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long với hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2020)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2020)
Vay bên liên quan	-	-	-	-	-
Vay ngân hàng	454.939.786.517	454.737.233.215	0	(379.645.790.682)	530.031.229.050
Vay dài hạn đến hạn trả	8.982.145.000	-	0	(5.759.162.500)	3.222.982.500
<b>Cộng</b>	<b>463.921.931.517</b>	<b>454.737.233.215</b>	<b>0</b>	<b>(385.404.953.182)</b>	<b>533.254.211.550</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(30/06/2020)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2020)</u>
<i>Vay bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<b>1.200.462.500</b>	<b>1.200.462.500</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	1.002.592.500	1.002.592.500
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(iii)</sup>	197.870.000	197.870.000
<i>Trái phiếu thường dài hạn</i>	<b>149.454.506.410</b>	<b>178.785.109.806</b>
Trái phiếu DPG_BOND2017 <sup>(iv)</sup>	38.834.283.731	68.606.044.827
Trái phiếu DPG.BOND.2019 <sup>(v)</sup>	110.620.222.679	110.179.064.979
<b>Cộng</b>	<b><u>150.654.968.910</u></b>	<b><u>179.985.572.306</u></b>

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên từ 3,2% đến 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 48 tháng và 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng hoặc 24 tháng cộng với lãi suất biên từ 2,9% đến 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đê Võng) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyển giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND. Công ty đã thực hiện mua lại 200 trái phiếu với tổng mệnh giá 200.000.000.000 đồng.
- (v) Trái phiếu không chuyển đổi và có đảm bảo kỳ hạn 02 năm, mệnh giá 100.000.000 VND, lãi suất 11,5% trong suốt kỳ hạn Trái phiếu và được thanh toán định kỳ mỗi 6 tháng. Trái phiếu được phát hành cho tổ chức và các cá nhân để đầu tư cho các Dự án và/hoặc bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các cổ phần đang lưu hành và tự do chuyển nhượng của Công ty thuộc sở hữu của Ban lãnh đạo Công ty có giá trị luôn ít nhất bằng 150% tổng giá trị Trái phiếu phát hành. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 111.900.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 1.778.500.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	4.423.445.000	3.222.982.500	1.200.462.500	
Trái phiếu thường	149.454.506.410		149.454.506.410	
<b>Cộng</b>	<b>153.877.951.410</b>	<b>3.222.982.500</b>	<b>150.654.968.910</b>	
<b>Số đầu năm (01/01/2020)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	10.182.607.500	8.982.145.000	1.200.462.500	
Trái phiếu thường	178.785.109.806		178.785.109.806	
<b>Cộng</b>	<b>188.967.717.306</b>	<b>8.982.145.000</b>	<b>179.985.572.306</b>	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Số đầu năm (01/01/2020)</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Trả nợ/Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>
Vay dài hạn ngân hàng	1.200.462.500	0	0	1.200.462.500
Trái phiếu thường	178.785.109.806	669.396.604	30.000.000.000	149.454.506.410
<b>Cộng</b>	<b>179.985.572.306</b>	<b>669.396.604</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>150.654.968.910</b>

**16c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn****17a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2020)	11.612.546.305
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	
Số sử dụng	
Số hoàn nhập	
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>	<b>11.612.546.305</b>

**17b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2020)	684.089.741
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>	<b>684.089.741</b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm (01/01/2020)</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>
Quỹ khen thưởng	13.470.089.668	4.534.761.955	(982.100.000)	17.022.751.623
Quỹ phúc lợi	11.060.494.839		(88.740.000)	10.971.754.839
<b>Cộng</b>	<b>24.530.584.507</b>	<b>4.534.761.955</b>	<b>(1.070.840.000)</b>	<b>27.994.506.462</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	299.999.620.000	49.341.290.000		41.352.798.365	343.799.278.382	734.492.986.747
Tăng vốn từ lợi nhuận	149.998.480.000				(149.998.480.000)	-
Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền					(14.999.981.000)	(14.999.981.000)
Lợi nhuận trong năm					151.158.731.834	151.158.731.834
Trích lập các quỹ					(5.651.713.651)	(5.651.713.651)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>449.998.100.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>-</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>324.307.835.565</b>	<b>865.000.023.930</b>
Số dư đầu năm nay	449.998.100.000	49.341.290.000	-	41.352.798.365	324.307.835.565	865.000.023.930
Tăng vốn từ lợi nhuận					(43.499.810.000)	(43.499.810.000)
Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền					6.018.790.861	6.018.790.861
Lợi nhuận trong kỳ					(4.534.761.955)	(4.534.761.955)
Trích lập các quỹ						
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(36.786.835.025)			(36.786.835.025)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>449.998.100.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>(36.786.835.025)</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>282.292.054.471</b>	<b>786.197.407.811</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/01/2020)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.999.810	44.999.810
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.999.810	44.999.810
- Cổ phiếu phổ thông	44.999.810	44.999.810
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.500.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.499.810	44.999.810
- Cổ phiếu phổ thông	43.499.810	44.999.810
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19c. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.499.810.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 4.534.761.955

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu hợp đồng xây dựng	373.936.894.540	305.243.447.830	530.310.739.200	427.348.733.055
Doanh thu bán hàng hóa	1.486.215.852		2.251.644.173	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	516.158.113	1.014.150.949	781.988.024	2.219.150.949
<b>Cộng</b>	<b>375.939.268.505</b>	<b>306.257.598.779</b>	<b>533.344.371.397</b>	<b>429.567.884.004</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	321.337.139.605	260.374.100.594	454.555.757.309	358.947.899.697
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.486.215.852		2.223.413.760	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	173.136.372	1.244.024.452	289.190.834	2.328.524.452
<b>Cộng</b>	<b>322.996.491.829</b>	<b>261.618.125.046</b>	<b>457.068.361.903</b>	<b>361.276.424.149</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.811.595.824	402.647.595	4.024.863.113	1.745.954.908
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.203.982	15.543.237	43.904.807	34.310.176
Lãi tiền cho vay	2.013.881.676	867.923.438	3.766.651.129	1.749.173.438
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.417.660	16.637.184	1.417.660	527.981.184
<b>Cộng</b>	<b>3.846.099.142</b>	<b>1.302.751.454</b>	<b>7.836.836.709</b>	<b>4.057.419.706</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí lãi vay	10.658.969.039	10.722.184.494	21.211.785.557	20.457.743.466
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	106.146.321	153.263.625	228.238.904	321.572.801
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	131.086.747	134.424.452	262.173.494	267.371.712
Dự phòng tổn thất đầu tư	31.882.963.441	-	31.882.963.441	-
<b>Cộng</b>	<b>42.779.165.548</b>	<b>11.009.872.571</b>	<b>53.585.161.396</b>	<b>21.046.687.979</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	5.616.584.652	6.710.705.466	11.256.150.555	12.885.000.664
Chi phí vật liệu	223.811.470	313.147.065	368.245.228	326.787.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.439.492.995	540.125.501	2.456.829.163	1.012.865.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	860.118.927	863.675.367	2.261.335.242	1.411.020.546
Thuế, phí và lệ phí	32.126.400	0	36.126.400	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.334.251.128	4.066.234.983	5.874.720.198	7.550.099.726
Các chi phí khác	36.723.858	223.512.458	536.723.858	230.044.458
<b>Cộng</b>	<b>10.543.109.430</b>	<b>12.717.400.840</b>	<b>22.790.130.644</b>	<b>23.419.818.317</b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định				45.454.545
Thu từ thanh lý CCDC		11.454.545		143.118.181
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		1.153.895.932		3.002.797.556
Thu nhập khác	19.506	2.083.234	19.506	2.741.860
<b>Cộng</b>	<b>19.506</b>	<b>1.167.333.417</b>	<b>19.506</b>	<b>3.194.112.142</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí thanh lý CCDC		1.489.905		56.655.078
Chi phí khác	5.431.356	4.787.524	5.432.222	5.326.829
<b>Cộng</b>	<b>5.431.356</b>	<b>6.277.429</b>	<b>5.432.222</b>	<b>61.981.907</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.521.851.901	133.234.471.422	259.056.760.997	213.641.134.579
Chi phí nhân công	20.807.607.879	21.076.113.325	37.884.361.606	37.812.369.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.826.209.356	9.605.243.328	17.858.468.186	19.318.723.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.479.468.503	162.273.251.717	220.859.974.905	206.189.770.856
Chi phí khác	4.136.093.034	198.878.136	8.631.346.625	1.078.048.968
<b>Cộng</b>	<b>349.771.230.673</b>	<b>326.387.957.928</b>	<b>544.290.912.319</b>	<b>478.040.046.690</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty không phát sinh giao dịch không bằng tiền.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lương Minh Tuấn	132.721.830	134.753.260
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Phạm Kim Châu	58.638.904	58.316.712
Phí mượn tài sản đảm bảo cho bà Lương Thị Lan – chị gái ông Lương Minh Tuấn	20.324.663	22.910.137

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.540.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Quý 2 năm 2020</u>	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Tiền lương, thù lao	1.203.379.000	1.728.411.363	2.807.816.744	3.048.057.816
Tiền thưởng		9.000.000		9.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.203.379.000</u></b>	<b><u>1.737.411.363</u></b>	<b><u>2.807.816.744</u></b>	<b><u>3.057.057.816</u></b>

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Bung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Xem thuyết minh số V.2c.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, bán vật tư, cho thuê thiết bị và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm Công ty cung cấp.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh KD bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	530.310.739.200	0	3.033.632.197	533.344.371.397
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>530.310.739.200</b>	<b>0</b>	<b>3.033.632.197</b>	<b>533.344.371.397</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	75.754.981.891	0	521.027.603	76.276.009.494
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.790.130.644)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				53.485.878.850
Doanh thu hoạt động tài chính				7.836.836.709
Chi phí tài chính				(53.585.161.396)
Thu nhập khác				19.506
Chi phí khác				(5.432.222)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.713.350.586)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>6.018.790.861</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>9.313.398.298</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>27.795.736.536</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	427.348.733.055		2.219.150.949	429.567.884.004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-		-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>427.348.733.055</b>		<b>2.219.150.949</b>	<b>429.567.884.004</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68.400.833.358	0	(109.373.503)	68.291.459.855
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.419.818.317)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				44.871.641.538
Doanh thu hoạt động tài chính				4.057.419.706
Chi phí tài chính				(21.046.687.979)
Thu nhập khác				3.137.457.070
Chi phí khác				(5.326.835)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.305.909.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				0
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>24.708.593.632</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>10.890.331.846</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2020 (Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh KD bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>24.253.465.093</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực KD bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.079.598.794.672	128.942.628.464		1.208.541.423.136
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				937.689.441.507
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.146.230.864.643</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.299.547.644.027			1.299.547.644.027
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				60.485.812.805
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.360.033.456.832</b>
<b>Số đầu năm (01/01/2020)</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	936.655.457.137	168.368.451.690		1.105.023.908.827
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.146.021.727.320
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.251.045.636.147</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.344.212.026.480			1.344.212.026.480
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41.833.585.737
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.386.045.612.217</b>

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Đặng Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẠT PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 241 /ĐP-TCKT

V/v: Giải trình thay đổi lợi nhuận sau  
thuế TNDN quý II/2020 của DPG

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông và các nhà đầu tư

Tên Tổ chức : Công ty Cổ phần Đạt Phương  
Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Đạt Phương  
Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 0243.7830856 Fax: 0243.7830859  
Mã chứng khoán : DPG  
Sàn giao dịch : HSX

Công ty Cổ phần Đạt Phương xin giải trình về nguyên nhân chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2020 thay đổi so với quý 2 năm 2019 như sau:

**1. Trên Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng):**

Chỉ tiêu	Q2/2020	Q2/2019	Thay đổi (giảm)	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.696.946.822	18.615.730.780	15.918.783.958	85,51%

Nguyên nhân:

Quý 2 năm 2020 mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp tại Công ty mẹ đều tăng nhưng có phát sinh thêm việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần 30.4 Quảng Ngãi (Công ty con) làm cho lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm trước.

**2. Trên Báo cáo Hợp nhất**

Chỉ tiêu	Q2/2020	Q2/2019	Thay đổi (tăng)	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.112.515.480	8.576.938.237	18.535.577.243	216,11%

Nguyên nhân:

Quý 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) tiếp tục tiến hành bàn giao nhà cho người mua và hạch toán doanh thu của mảng bất động sản (quý 2 năm 2019 chưa phát sinh doanh thu này). Do đó lợi nhuận trên Báo cáo hợp nhất tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty về thay đổi của Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại Báo cáo tài chính quý 2 năm 2020.

Trân trọng

**Nơi nhận**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

